TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2023/DS
Ngày 30-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lãm

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 83/2022/TLST –DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn**:*** Ngân hàng A (Viết tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: Số 2, H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1977- Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh ngân hàng A - Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

** Bị đơn*: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn U, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn U, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11 tháng 07 năm 2019, Ngân hàng có ký với ông Lê Văn Th hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201903060 Theo đó, Ngân hàng đã cho Lê Văn Th và bà Lê Thị V vay số tiền là: 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9.8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suât cho vay trong hạn, mục đích vay vốn là chăm sóc điều, chăn nuôi bò. Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 300.000.000 đồng vào ngày 21/5/2019. Kỳ hạn trả nợ gốc 1 kỳ: số tiền 300.000.000 đồng, vào ngày 21/5/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Lê Văn Th đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 837319/HĐTC ngày 21/5/2019, thế chấp quyền sử dụng đất số: O274294 do Ủy ban nhân dân huyên Phước Long cũ cấp ngày 08/12/1999 cho hộ ông Lê Văn Th; diên tích: 9800m^2; tọa lạc tại thôn C, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Tuy nhiên, đến nay đã quá kỳ hạn trả nợ gốc và lãi nhưng ông Lê Văn Th và bà Lê Thị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo thỏa thuận. Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mâp giải quyết buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/6/2023 là: 150.672.282 đồng (gồm lãi trong hạn là 57.387.945 đồng; lãi phạt chậm trả lãi là 12.090.775 đồng và lãi quá hạn là 81.193.562 đồng)

Nếu ông Lê Văn Th không trả được nợ, ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đảm bảo là: diên tích: 9800m^2; tọa lạc tại thôn C, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O274294 do Ủy ban nhân dân huyên Phước Long cũ cấp ngày 08/12/1999 cho hộ ông Lê Văn Th theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 837319/HĐTC ngày 21/5/2019 cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi là 12.090.775 đồng.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm!

2. Bị đơn ông Lê Văn Th trình bày tại bản tự khai ngày 21 tháng 8 năm 2022:

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2019 tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 9,80%/năm, thời hạn trả gốc và lãi là 12 tháng. Mục đích vay là để chăn nuôi đầu tư sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay tôi có thế chấp diện tích đất 9800m^2, thửa số 9, tờ bản đồ số 27 tại thôn

C, xã M. Sau khi vay ngân hàng đã giải ngân, tôi đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. từ khi vay đến nay tôi chưa trả được cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng lý do là do điều kiện xã Bù Gia Mập quy hoạch nghĩa trang không có đường đi vào rẫy và quy hoạch vào 4000m^2 đất rẫy của tôi đi vào, đất rẫy chưa được đền bù và bồi thường cho nên tôi chưa bán và chuyển nhượng đất được để lấy tiền trả cho ngân hàng. Nay tôi đề nghị Tòa án và ngân hàng cho tôi gia hạn đến ngày 30/11/2022 để tôi có thời gian bán đất và lấy tiền đền bù mà xã và huyện quy hoạch nghĩa trang rồi tôi trả hết tiền gốc và lãi cho ngân hàng đầy đủ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn Th và bà Lê Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn theo luật định.

Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Lê Văn Th và bà Lê Thị V không trả được nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng A thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Lê Văn Th có địa chỉ thôn U, xã O, huyện Bù Gia Mập và tài sản thế chấp tọa lạc tại thôn C, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Lê Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị V đã được tống đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn Th, bà Lê Thị V.

Bà Lê Thị V không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1. Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào 5617-LAV-201903060 Theo đó, Ngân hàng đã cho Lê Văn Th vay số tiền là: 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9.8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn là chăm sóc điều, chăn nuôi bò. Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 300.000.000 đồng vào ngày 21/5/2019. Kỳ hạn trả nợ gốc 1 kỳ: số tiền 300.000.000 đồng, vào ngày 21/5/2020. Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và ông Th là tự nguyện, có điều khoản rõ ràng, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 90 của Luật các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu một trong các bên vi phạm thì phải chịu chế tài.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập đã giải ngân số tiền 300.00.000 đồng cho ông Th, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ngày 21/5/2020 thì ông Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Điều này được chứng minh qua Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, bảng kê tính lãi và lời thừa nhận của ông Th. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc ông Th trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

3.2. Về tiền lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông Th trả số tiền lãi suất tính từ ngày 21/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất như sau:

Lãi suất trong hạn tính từ ngày 21/5/2019 đến ngày 21/5/2020 là: 57.387.945 đồng.

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/6/2023 là 81.193.562 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất mà ngân hàng yêu cầu mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận, buộc ông Lê Văn Th phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 30/6/2023 là 138.581.507 đồng.

Đối với bà Lê Thị V đã có hợp đồng ủy quyền số 00001570, quyển số 01-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22 tháng 3 năm 2018 cho ông Lê Văn Th thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng và thực hiện việc thế chấp tài sản để đảm bảo việc vay vốn. Đồng thời bà V, ông Th là vợ chồng, mục đích vay vốn là là chăm sóc điều, chăn nuôi bò là nguồn tài sản chung của vợ chồng. Nên trong vụ án này bà V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Th trả nợ số tiền vay cùng lãi suất cho Ngân hàng là phù hợp.

3.3. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 837319/HĐTC ngày 21/5/2019 thể hiện: Để đảm bảo khoản vay vốn 300.000.000 đồng thì ông Th có thế chấp cho Ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập quyền sử dụng đất gồm: diên tích: 9800m^2; tọa lạc tại thôn C, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O274294 do Ủy ban nhân dân huyên Phước Long cũ cấp ngày 08/12/1999 cho hộ ông Lê Văn Th. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp không có sự thay đổi, tài sản trên đất có 170 cây điều trồng năm 1993. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số số 837319/HĐTC ngày 21/5/2019 đảm bảo vay vốn là tự nguyện, đúng chủ thể, được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập. Hợp đồng có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 293, 295, 298, 318, 319, 500, 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013 và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình

theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, trong trường hợp ông Th và bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích: 9800m^2 tọa lạc tại thôn C, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O274294 do Ủy ban nhân dân huyên Phước Long cũ cấp ngày 08/12/1999 cho hộ ông Lê Văn Th để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[4]. Về số tiền chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng, ông Lê Văn Th phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng số tiền chi phí trên nên cần buộc ông Lê Văn Th, bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Th, bà Lê Thị V phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319, 468, 500, 502 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013

- Các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị V có nghĩa vụ liên đới phải trả cho cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* và số tiền lãi tính đến ngày 30/6/2023 là: 138.581.507 đồng *(Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng)*

Tổng số tiền ông Lê Văn Th, bà Lê Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là 438.581.507 đồng *(Bốn trăm ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Th, bà V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Th, bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm diện tích đất diên tích: 9800m^2; tọa lạc tại thôn C, xã M, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O274294 do Ủy ban nhân dân huyên Phước Long cũ cấp ngày 08/12/1999 cho hộ ông Lê Văn Th cùng tài sản gắn liền với đất.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng),* ông Th, bà V phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng A .

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Th, bà V phải nộp số tiền 21.543.260 đồng *(Hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng)*

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 9.555.000 đồng *(Chín triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006223 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ TUYẾT